

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN C  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 686/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 24-12-2020

V/v “Tranh chấp về ly hôn, nuôi  
con chung giữa chị Y với anh T”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH AN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Hồng Thi.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Ngọc Bờ
2. Ông Huỳnh Văn Hùng.

*Thư ký phiên tòa:* Ông Huỳnh Thanh Châu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa:*** Ông Huỳnh Hoàng Vũ – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 364/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 338/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Chị Vi Thị Y, sinh năm 1995 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Bản Xiềng, xã Đ, huyện CC, tỉnh Nghệ An.

***- Bị đơn:*** Anh Mai Vinh T, sinh năm 1987 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: ấp Vĩnh Quới, xã VTT, huyện C, tỉnh An Giang.

**NHẬN THẤY:**

*Theo đơn khởi kiện và trong quá trình hòa giải, xét xử, nguyên đơn chị Vi Thị Y trình bày:*

1. Về hôn nhân: Chị và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện CC, tỉnh Nghệ An. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống và tính cách đã khiến tình cảm vợ chồng rạn nứt, vợ chồng đã ly thân từ năm 2013 cho đến nay. Nay tình cảm không còn xin được ly hôn với anh T.

2. Về con chung: Có 01 con chung tên Mai Thị Gia Tuệ, sinh ngày 05/11/2012, hiện cháu Tuệ đang sống chung với chị, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Yêu cầu giải quyết theo quy định pháp luật.

*Bị đơn anh Mai Vinh T vắng mặt toàn bộ quá trình giải quyết vụ án, không gửi văn bản trình bày ý kiến.*

Tại phiên tòa, chị Y có đơn xin xét xử vắng mặt và xác định vẫn giữ nguY yêu cầu khởi kiện xin ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định.

Về nội dung: Đề nghị cho chị Y ly hôn anh T, do anh chị ly thân đã lâu, cho thấy anh chị đã vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài mục đích hôn nhân không đạt được.

Về con chung: Có 01 con chung tên Mai Thị Gia Tuệ, sinh ngày 05/11/2012, hiện cháu Tuệ đang sống chung với chị. Hiện cháu Tuệ đang do chị Y chăm sóc nuôi dưỡng. Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Tuệ. Xét từ khi ly thân đến nay cháu Tuệ do chị Y trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không cùng chị Y chăm sóc nuôi dưỡng con chung, cháu Tuệ có nguyện vọng được sống chung với chị Y, đề nghị giao cháu Tuệ cho chị Y tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp quy định pháp luật tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: Đề nghị không xem xét do chị Vi Thị Y không yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét.

Tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án: Các giấy tờ chứng minh tư cách chủ thể của chị Y; Giấy chứng nhận kết hôn; Bản sao Giấy khai sinh của cháu Tuệ; Biên bản xác minh.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục:

[1.1] Tranh chấp của các đương sự là về ly hôn, về nuôi con chung, bị đơn có địa chỉ thường trú tại địa bàn huyện C, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] NguY đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Đối với bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng khác, nhưng vắng mặt không lý do không thuộc trường hợp bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp quy định pháp luật tại Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Y và anh T chung sống với nhau năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện CC, tỉnh Nghệ An, phù hợp quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, là hôn nhân hợp pháp làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng trong thời kỳ hôn nhân. Chị Y khởi kiện yêu cầu được ly hôn anh T do vợ chồng chung sống không hạnh phúc, bất đồng quan điểm, vợ chồng ly thân đã lâu.

Tòa án đã tiến hành hòa giải động viên để vợ chồng đoàn tụ nhưng anh T vẫn vắng mặt không lý do, cho thấy anh T không quan tâm đến việc hàn gắn quan hệ vợ chồng, để mặc cho chị Y giải quyết. Hội đồng xét xử xét thấy: Mỗi quan hệ vợ chồng là mối quan hệ gắn bó lâu dài và bền vững, vợ chồng phải thương yêu chăm sóc lẫn nhau, cùng nhau xây dựng cuộc sống gia đình hạnh phúc, cùng chung tay nuôi dưỡng chăm sóc con chung. Vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, sống chung với nhau, nhưng anh chị không sống chung, anh chị đã vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt, nên chị Y yêu cầu ly hôn là có cơ sở. Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Y.

[2.2] Về con chung: Có 01 con chung tên Mai Thị Gia Tuệ, sinh ngày 05/11/2012, hiện cháu Tuệ đang sống chung với chị. Chị Y yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Tuệ, cháu Tuệ có nguyện vọng được chung sống với chị Y. Xét yêu cầu của chị Y, nguyện vọng của cháu Tuệ, để đảm bảo sự phát triển về mọi mặt của các con, tạo điều kiện cho các cháu được ổn định tinh thần, sinh sống và học tập, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Tuệ cho chị Y trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp quy định pháp luật.

Anh Mai Vinh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Y không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Vi Thị Y phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003484 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 9, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Vi Thị Y. Chị Vi Thị Y được ly hôn với anh Mai Vinh T.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Có 01 con chung tên Mai Thị Gia Tuệ, sinh ngày 05/11/2012, hiện cháu Tuệ đang sống chung với chị Y.

2.2. Giao cháu Mai Thị Gia Tuệ, sinh ngày 05/11/201 2 cho chị Vi Thị Y được tiếp tục nuôi dưỡng.

Anh Mai Vinh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Vi Thị Y không yêu cầu anh Mai Vinh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Vi Thị Y phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003484 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày thụ án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã Đ, CC, Nghề An;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Hồng Thi**

**HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Hoàng Tuấn    Huỳnh Văn Hùng**

**Lê Thị Hồng Thi**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN**  
**NAM**  
**HUYỆN C**  
**TỈNH AN GIANG**

---

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

---

*C, ngày 26 tháng 01 năm 2015*

**BIÊN BẢN NGHỊ ÁN**

Về “T/c về ly hôn”, giữa:

1. NguY đơn: Anh Lê Thanh Tùng, sinh năm 1984

2. Bị đơn: Chị Phan Thị Thi, sinh năm 1992

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Ngọc Phi

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Nghi Bình; Ông Huỳnh Công Tấn

Sau khi thảo luận, Hội đồng xét xử thống nhất như sau:

\* Về quan hệ pháp luật: “tranh chấp về ly hôn”: Thống nhất 3/3

\* Về áp dụng pháp luật: điểm b Điều 199, khoản 3 Điều 202, khoản 4 Điều 131, khoản 1 Điều 245 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 8 Điều 27 của Pháp lệnh số 10/2009/PL-

UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Thống nhất 3/3

\* Về nội dung:

- Anh Lê Thanh Tùng được ly hôn với chị Phan Thị Thi: Thống nhất 3/3  
- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Sẽ giải quyết thành vụ án khác khi đương sự có yêu cầu: Thống nhất 3/3.

- Về án phí: Anh Tùng phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 200.000đ, được trừ vào 200.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001166 ngày 02 tháng 10 năm 2014 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày thụ án. Riêng đương sự vắng mặt thì thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc được niêm yết: Thống nhất 3/3

Trương hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự: Thống nhất 3/3.

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Nghi Bình

Huỳnh Công Tấn

Ngô Ngọc Phi